TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng;

Ông Nguyễn Quốc Trí.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Thanh Phong-Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 1, xã 1 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Biện Tấn L, sinh năm 1985. HKTT: Ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Vĩnh Long, tạm trú: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2018, các lời khai tại Tòa án nhân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Biện Tấn L tự tìm hiểu với nhau khoảng sáu tháng, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào tháng 12 năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 5, huyện 6, tỉnh Vĩnh Long ngày 30/01/2010. Việc chị và anh L kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay đe dọa.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không lo cho gia đình, vợ con, thường xuyên uống rượu với bạn bè, từ đó vợ, chồng cự cãi qua lại dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng và hai người đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, sau khi sống ly thân chị về ở với cha mẹ ruột, anh L thuê nhà trọ ở riêng. Nay

chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh L không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung là cháu Biện Thị HA, sinh ngày 12/7/2011, hiện nay chị đang nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu HA đến trưởng Thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 09/8/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa bị đơn anh Biện Tấn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị N về kết hôn, về nguyên nhân gây mâu thuẫn, nhưng nay anh còn thương yêu vợ và con nên không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là cháu Biện Thị HA, sinh ngày 12/7/2011, hiện nay chị N đang nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh, anh thống nhất theo nguyện vọng của cháu HA và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ anh chị, nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Biện Tấn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 5, huyện 6, tỉnh Vĩnh Long ngày 30/01/2010, việc chị N và anh L kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thiếu quan tâm đến gia đình, vợ con, anh L và chị N thường bất đồng trong cuộc sống vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ, nhưng chị N không thống nhất.

Xét thấy: Tình cảm giữa chị N và anh L là không được hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh L có một con chung là cháu Biện Thị HA, sinh ngày 12/7/2011, hiện nay chị N đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu HA đến trưởng thành.

Tại phiên tòa anh L thống nhất giao cháu HA cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Tại Biên bản ghi ý kiến của cháu Biện Thị HA ngày 09/8/2018, cháu HA có ý kiến như sau: Hiện nay cháu đang do chị N nuôi dưỡng, nếu cha mẹ ly hôn, cháu xin có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị N và anh L là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh L trình bày anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đươc quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng các Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Biện Tấn L.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị N và anh L;

Anh L thống nhất giao cháu Biện Thị HA, sinh ngày 12/7/2011 cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Biện Tấn L không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không có yêu cầu;

Anh Biện Tấn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số: BH/2017- 0001798 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, chị N không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- UBND xã 5, H 6, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Bùi Văn Toán